

Số: /TB-ĐHCT

Cần Thơ, ngày

tháng 01 năm 2026

THÔNG BÁO

Về việc đăng ký học cùng lúc hai chương trình năm 2026

Căn cứ Quy định công tác học vụ dành cho sinh viên trình độ đại học hình thức chính quy, Đại học Cần Thơ thông báo đến sinh viên về việc đăng ký học cùng lúc hai chương trình năm 2026 như sau:

1. Đối tượng, điều kiện và chương trình đào tạo (CTĐT) đăng ký

1.1. Đối tượng: Sinh viên (SV) hình thức chính quy đang học tại Đại học Cần Thơ.

1.2. Điều kiện để được đăng ký học cùng lúc hai chương trình

- Ngành đào tạo ở chương trình thứ hai phải khác ngành đào tạo ở chương trình thứ nhất;
- Đối với SV thuộc Khóa 46 trở về trước, SV phải hoàn thành học kỳ đầu tiên và có điểm trung bình chung tích lũy (ĐTBCTL) từ 2,00 trở lên. Đối với SV thuộc Khóa 47 trở về sau, SV được xếp trình độ năm thứ hai của chương trình thứ nhấtⁱ và SV phải đáp ứng 01 trong 02 điều kiện như sau tại thời điểm đăng ký:

+ Có ĐTBCTL từ 2,50 trở lên và đáp ứng ngưỡng bảo đảm chất lượng của chương trình thứ hai trong năm tuyển sinh (điểm sàn và các điều kiện khác nếu có);

+ Hoặc có ĐTBCTL từ 2,00 trở lên và đáp ứng điều kiện trúng tuyển của chương trình thứ hai trong năm tuyển sinh (điểm chuẩn và các điều kiện khác nếu có).

- Đơn vị đào tạo quản lý chương trình thứ hai còn khả năng tiếp nhận thêm SV.

- Trường hợp số lượng SV đăng ký nhiều hơn số lượng SV được phép học cùng lúc hai chương trình thì xem xét đến các điều kiện phụ để xét chọn tính tại thời điểm đăng ký như: ĐTBCTL của chương trình thứ nhất; Điểm rèn luyện; Khối lượng tín chỉ đã tích lũy của chương trình thứ nhất (tiến độ học tập trong khung thời gian thiết kế CTĐT).

1.3. Chương trình đào tạo: Xem Danh mục kèm theo.

2. Thủ tục đăng ký học thêm chương trình thứ hai

SV đăng ký học chương trình thứ hai theo thời gian thông báo của Trường. SV đăng nhập tài khoản cá nhân tại website “Hệ thống quản lý” của Đại học Cần Thơ (<https://htql.ctu.edu.vn>) và chọn “Đăng ký học chương trình thứ 2” để đăng ký (Hướng dẫn chi tiết phụ lục kèm theo).

Khi có kết quả xét duyệt cho phép học cùng lúc hai chương trình, SV tự nghiên cứu CTĐT của chương trình thứ hai tương ứng và bổ sung các học phần cần phải học vào kế hoạch học tập toàn khóa để đăng ký học phần.

Sau khi tốt nghiệp chương trình thứ nhất, SV sẽ được chuyển về đơn vị đào tạo quản lý chương trình thứ hai để quản lý và được bố trí cố vấn học tập mới. Đơn vị đào tạo quản lý chương trình thứ hai sẽ xét các học phần của CTĐT thứ hai SV được miễn do SV đã tích lũy các học phần này ở CTĐT thứ nhất và SV sẽ xây dựng kế hoạch học tập toàn khóa của CTĐT thứ hai dưới sự hướng dẫn của cố vấn học tập mới.

ⁱ Khối lượng tín chỉ tích lũy của chương trình thứ nhất đạt từ 36 tín chỉ.

Lưu ý: SV chỉ được xét tốt nghiệp chương trình thứ hai, nếu có đủ điều kiện tốt nghiệp ở chương trình thứ nhất và đã đăng ký muộn nhất 02 năm trước thời điểm xét tốt nghiệp chương trình thứ hai (thời gian tối thiểu 02 năm được tính từ thời điểm SV được phê duyệt cho phép học cùng lúc 02 CTĐT đến thời điểm xét tốt nghiệp CTĐT thứ hai).

3. Các Quy định khác về học cùng lúc hai chương trình: SV xem chi tiết tại Quy định công tác học vụ dành cho sinh viên trình độ đại học hình thức chính quy.

4. Thời gian đăng ký

Đợt	Thời gian đăng ký	Dự kiến thời gian công bố kết quả đăng ký
1	19/01/2026 - 25/01/2026	23/3/2026 - 29/3/2026
2	01/6/2026 - 07/6/2026	20/7/2026 - 26/7/2026
3	28/9/2026 - 04/10/2026	16/11/2026 - 22/11/2026

SV xem kết quả tại website như đề cập ở mục 2 hoặc website Phòng Đào tạo (<https://daa.ctu.edu.vn/>)

5. Liên hệ

Các vấn đề có liên quan, liên hệ ông Phạm Minh Tiến - Phòng Đào tạo (*điện thoại: 0292.3831.156, email: pmtien@ctu.edu.vn*).

Đề nghị Lãnh đạo các đơn vị đào tạo triển khai thông báo này đến sinh viên./.

Nơi nhận:

- Đơn vị đào tạo;
- Website ĐHCT, Phòng Đào tạo;
- Lưu: VT, ĐT.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Nguyễn Hiếu Trung

PHỤ LỤC 1: DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(kèm theo Thông báo số: /TB-ĐHCT, ngày tháng 01 năm 2026
của Hiệu trưởng Đại học Cần Thơ)

TT	Tên ngành/ chuyên ngành	Mã ngành/ chuyên ngành	Đơn vị quản lý	Ghi chú
1	Chính trị học	V9	Khoa KHCT, XH&NV	
2	Giáo dục Công dân	X4	Khoa KHCT, XH&NV	
3	Triết học	U3	Khoa KHCT, XH&NV	
4	Thông tin - Thư viện	80	Khoa KHCT, XH&NV	
5	Văn học	W7	Khoa KHCT, XH&NV	
6	Xã hội học	U4	Khoa KHCT, XH&NV	
7	Luật (<i>Luật hành chính</i>)	63	Khoa Luật	
8	Luật kinh tế	S9	Khoa Luật	Áp dụng đối với K49 trở về sau
9	Khoa học môi trường	38	Khoa Môi trường và TNTN	
10	Kỹ thuật cấp thoát nước	D5	Khoa Môi trường và TNTN	Áp dụng đối với K48 trở về sau
11	Kỹ thuật môi trường	57	Khoa Môi trường và TNTN	
12	Quản lý đất đai	25	Khoa Môi trường và TNTN	
13	Quản lý tài nguyên và môi trường	X7	Khoa Môi trường và TNTN	
14	Quy hoạch vùng và đô thị	S8	Khoa Môi trường và TNTN	Áp dụng đối với K49 trở về sau
15	Ngôn ngữ Anh	V1	Khoa Ngoại ngữ	
16	Ngôn ngữ Anh (<i>Phiên dịch - Biên dịch tiếng Anh</i>)	Z8	Khoa Ngoại ngữ	
17	Ngôn ngữ Pháp	Z9	Khoa Ngoại ngữ	
18	Sư phạm Tiếng Anh	X1	Khoa Ngoại ngữ	
19	Sư phạm Tiếng Pháp	X2	Khoa Ngoại ngữ	
20	Kinh doanh nông nghiệp	U7	Cơ sở Hậu Giang	
21	Công nghệ kỹ thuật hóa học	V6	Trường Bách Khoa	
22	Kỹ thuật cơ điện tử	S3	Trường Bách Khoa	
23	Kỹ thuật cơ khí (<i>Cơ khí chế tạo máy</i>)	84	Trường Bách Khoa	
24	Kỹ thuật điện	T5	Trường Bách Khoa	
25	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	T6	Trường Bách Khoa	
26	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Y8	Trường Bách Khoa	
27	Kỹ thuật vật liệu	T4	Trường Bách Khoa	
28	Kỹ thuật xây dựng	T7	Trường Bách Khoa	
29	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	T1	Trường Bách Khoa	
30	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	T8	Trường Bách Khoa	
31	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	D4	Trường Bách Khoa	Áp dụng đối với K48 trở về sau
32	Quản lý công nghiệp	83	Trường Bách Khoa	
33	Kiến trúc	S7	Trường Bách Khoa	Áp dụng đối với K49 trở về sau
34	An toàn thông tin	D2	Trường CNTT&TT	Áp dụng đối với K48 trở về sau
35	Công nghệ thông tin	V7	Trường CNTT&TT	
36	Hệ thống thông tin	95	Trường CNTT&TT	
37	Khoa học máy tính	Z6	Trường CNTT&TT	
38	Kỹ thuật phần mềm	96	Trường CNTT&TT	
39	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	T9	Trường CNTT&TT	
40	Truyền thông đa phương tiện	D1	Trường CNTT&TT	Áp dụng đối với K48 trở về sau
41	Hóa dược	T3	Trường Khoa học Tự nhiên	
42	Hóa học	69	Trường Khoa học Tự nhiên	
43	Sinh học	94	Trường Khoa học Tự nhiên	
44	Thống kê	D3	Trường Khoa học Tự nhiên	
45	Toán ứng dụng	89	Trường Khoa học Tự nhiên	
46	Vật lý kỹ thuật	U1	Trường Khoa học Tự nhiên	
47	Kê toán	20	Trường Kinh tế	
48	Kiểm toán	V5	Trường Kinh tế	
49	Kinh doanh quốc tế	W4	Trường Kinh tế	
50	Kinh doanh thương mại	W3	Trường Kinh tế	
51	Kinh tế	W1	Trường Kinh tế	

TT	Tên ngành/ chuyên ngành	Mã ngành/ chuyên ngành	Đơn vị quản lý	Ghi chú
52	Kinh tế nông nghiệp	23	Trường Kinh tế	
53	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	90	Trường Kinh tế	
54	Marketing	45	Trường Kinh tế	
55	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	W2	Trường Kinh tế	
56	Quản trị kinh doanh	22	Trường Kinh tế	
57	Tài chính - Ngân hàng	21	Trường Kinh tế	
58	Bảo vệ thực vật	73	Trường Nông nghiệp	
59	Chăn nuôi	S1	Trường Nông nghiệp	
60	Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan	X9	Trường Nông nghiệp	
61	Khoa học cây trồng	X8	Trường Nông nghiệp	
62	Khoa học cây trồng (<i>Nông nghiệp công nghệ cao</i>)	S6	Trường Nông nghiệp	
63	Khoa học đất (<i>Quản lý đất và công nghệ phân bón</i>)	S4	Trường Nông nghiệp	
64	Nông học	19	Trường Nông nghiệp	
65	Sinh học ứng dụng	V8	Trường Nông nghiệp	
66	Thú y	67	Trường Nông nghiệp	
67	Giáo dục Thể chất	X6	Trường Sư phạm	
68	Giáo dục Tiểu học	X3	Trường Sư phạm	
69	Sư phạm Địa lý	16	Trường Sư phạm	
70	Sư phạm Hóa học	09	Trường Sư phạm	
71	Sư phạm Lịch sử	18	Trường Sư phạm	
72	Sư phạm Ngữ văn	17	Trường Sư phạm	
73	Sư phạm Sinh học	10	Trường Sư phạm	
74	Sư phạm Tin học	U8	Trường Sư phạm	
75	Sư phạm Toán học	01	Trường Sư phạm	
76	Sư phạm Vật lý	02	Trường Sư phạm	
77	Bệnh học thủy sản	76	Trường Thủy sản	
78	Công nghệ chế biến thủy sản	82	Trường Thủy sản	
79	Nuôi trồng thủy sản	13	Trường Thủy sản	
80	Quản lý thủy sản	S2	Trường Thủy sản	
81	Công nghệ sau thu hoạch	U5	Viện CNSH&TP	
82	Công nghệ sinh học	66	Viện CNSH&TP	
83	Công nghệ thực phẩm	08	Viện CNSH&TP	

PHỤ LỤC 2: HƯỚNG DẪN SINH VIÊN ĐĂNG KÝ
(kèm theo Thông báo số: /TB-ĐHCT, ngày tháng 01 năm 2026
của Hiệu trưởng Đại học Cần Thơ)

I. QUY TRÌNH ĐĂNG KÝ

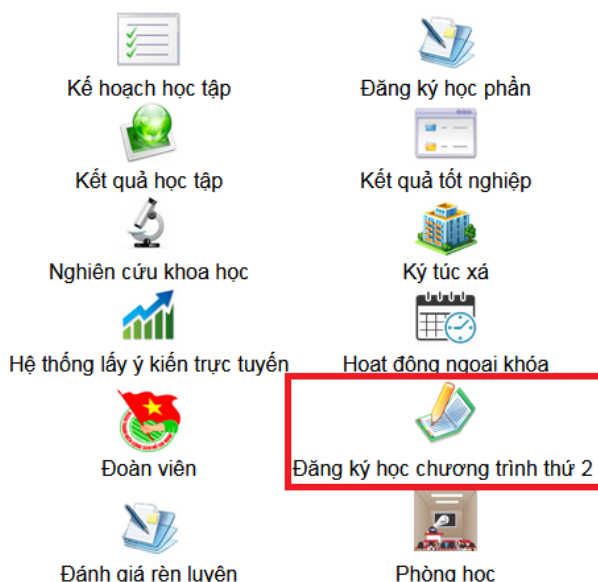
Bước 1. Đăng nhập

- Trong thời gian đăng ký (mục 4 của Thông báo trên), SV truy cập website: <https://htql.ctu.edu.vn>

- Đăng nhập bằng tài khoản cá nhân đã cấp.

Bước 2. Chọn chức năng đăng ký chương trình thứ 2

Sau khi đăng nhập thành công, SV chọn biểu tượng: “Đăng ký học chương trình thứ 2”, giao diện hiển thị như sau:



- SV sau khi chọn vào biểu tượng “Đăng ký học chương trình thứ 2”, giao diện sẽ hiển thị thông tin như sau:

Đăng Ký Học Cùng Lúc 2 Chương trình đào tạo	
Tên sinh viên	
Đợt đăng ký	Đợt 1 năm 2024 học kì 1 (Từ ngày 02-09-2024 đến ngày 31-10-2024)
Khóa học	K50
Chuyên ngành	Chọn chuyên ngành
Chỉ tiêu tuyển sinh	
Học lực lớp 12	Giỏi
Năm tốt nghiệp THPT	2021
Điểm rèn luyện	77
Điểm trung bình tích lũy	2.69
Số tín chỉ tích lũy của sinh viên	48
Khu vực ưu tiên	1 - Khu vực 1
Đối tượng ưu tiên	01 - Đối tượng 01
Chứng nhận	
Lý do không được phép đăng ký	
Bỏ qua	

Bước 3. Chọn ngành/chuyên ngành

- SV chọn “Chuyên ngành” mong muốn học chương trình thứ 2 như hình bên dưới:

Đăng Ký Học Cùng Lúc 2 Chương trình đào tạo	
Tên sinh viên	
Đợt đăng ký	Đợt 1 năm 2024 học kì 1 (Từ ngày 02-09-2024 đến ngày 31-10-2024)
Khóa học	K50
Chuyên ngành	Chọn chuyên ngành (*)
Chỉ tiêu tuyển sinh	Chọn chuyên ngành
Học lực lớp 12	DA-Viện CN Sinh học và Thực phẩm
Năm tốt nghiệp THPT	66 - Công nghệ sinh học
Điểm rèn luyện	08 - Công nghệ thực phẩm
Điểm trung bình tích lũy	DI-Trường Công nghệ Thông tin & Truyền thông
Số tín chỉ tích lũy của sinh viên	V7 - Công nghệ thông tin
Khu vực ưu tiên	95 - Hệ thống thông tin
Đối tượng ưu tiên	Z6 - Khoa học máy tính
Chứng nhận	96 - Kỹ thuật phần mềm
Lý do không được phép đăng ký	T9 - Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu
	Y1 - Tin học Ứng dụng

- Sau khi chọn chuyên ngành, hệ thống sẽ hiển thị giao diện như hình bên dưới:

Đăng Ký Học Cùng Lúc 2 Chương trình đào tạo								
Tên sinh viên								
Đợt đăng ký		Đợt 1 năm 2024 học kì 1 (Từ ngày 02-09-2024 đến ngày 31-10-2024)						
Khóa học		K50						
Chuyên ngành		95 - Hệ thống thông tin (*)						
Chỉ tiêu tuyển sinh		80						
Học lực lớp 12		Giỏi						
Năm tốt nghiệp THPT		2021						
Điểm rèn luyện		77						
Điểm trung bình tích lũy		2.69						
Số tín chỉ tích lũy của sinh viên		48						
Khu vực ưu tiên		1 - Khu vực 1						
Đối tượng ưu tiên		01 - Đối tượng 01						
Chứng nhận								
Lý do không được phép đăng ký		Điểm thi V-SAT: Tổng điểm sinh viên (30) nhỏ hơn Điểm sàn (225) Điểm thi V-SAT: Điểm thiếu/không đạt						
Phương thức	Tổ hợp	Tên	Điểm	Tổng điểm	Điểm sàn	Điểm chuẩn trúng tuyển	Chọn đăng ký	Đề nghị điều chỉnh
Điểm học ba	A00	Hóa học	8.3	26.8	16	27.5	☐	☐
		Vật lí	8.7					
		Toán	8.64					
	A01	Vật lí	8.7	27.02	16	27.5		
		Tiếng Anh	8.6					
		Toán	8.64					
Điểm thi tốt nghiệp THPT	A00	Hóa học	8.75	18.35	19	22.65	☐	☐
		Toán	7.6					
		Vật lí	8.75					
	A01	Tiếng Anh	6.6	24.83	19	22.65		
		Toán	7.6					
Điểm thi V-SAT	A00	Hóa học		30	225	325	☐	☐
		Vật lí						
		Toán						
	A01	Tiếng Anh		30	225	325		
		Toán						

[Đăng ký](#) [Bỏ qua](#)

Phương thức	Tổ hợp	Tên	Điểm	Tổng điểm	Điểm sàn	Điểm chuẩn trúng tuyển	Chọn đăng ký	Đề nghị điều chỉnh
Điểm học bạ	A00	Hóa học	8.3	26.8	16	27.5	☐	☐
		Vật lí	8.7					
		Toán	8.64					
	A01	Vật lí	8.7	27.02	16	27.5		
		Tiếng Anh	8.6					
		Toán	8.64					
Điểm thi tốt nghệp THPT	A00	Hóa học		18.35	19	22.65	☐	☒
		Vật lí	8.75					
		Toán	7.6					
	A01	Vật lí	8.75	24.83	19	22.65		
		Tiếng Anh	6.6					
		Toán	7.6					
Điểm thi V-SAT	A00	Hóa học		30	225	325	☐	
		Vật lí						
		Toán						
	A01	Vật lí		30	225	325		
		Tiếng Anh						
		Toán						

Đăng ký

Bỏ qua

- SV thực hiện yêu cầu hiệu chỉnh điểm, nhập “**Nội dung yêu cầu**” (nêu rõ thông tin cần bổ sung/điều chỉnh).

Yêu cầu hiệu chỉnh			
Phương thức	Điểm thi tốt nghiệp THPT		
Khu vực ưu tiên	1 - Khu vực 1		
Đối tượng ưu tiên	01 - Đối tượng 01		
Học lực lớp 12	GIOI - Giới (*)		
Năm tốt nghiệp THPT	2021 (*)		
Danh sách điểm thi	Môn	Điểm	
	Hóa học		
	Vật lý	8.75	
	Tiếng Anh	6.6	
	Toán	7.6	
Danh sách điểm môn năng khiếu (Nhập hệ điểm 10)	Mã môn	Điểm đạt	Thi tại trường ĐHCT
Nội dung yêu cầu			
Tập tin minh chứng (jpg,png,pdf,zip...) Chọn tệp Không có tệp nào được chọn(*) Định dạng: PDF,JPG,JPEG,PNG,ZIP.Kích thước <= 10MB			
Thực hiện Trở về			

- Chọn “Tập tin minh chứng”. Sau đó nhấn:

+ “**Thực hiện**” để lưu thông tin đề nghị điều chỉnh.

+ “**Trở về**” để trở về trang đăng ký và không thực hiện điều chỉnh.

II. YÊU CẦU VỀ MINH CHỨNG

1. Đối với phương thức Điểm học bạ: file PDF học bạ đầy đủ 03 năm học có xác nhận của Trường THPT; trường hợp đề nghị điều chỉnh điểm chỉ liên quan đến một năm học, có thể tải file PDF học bạ của năm học tương ứng.

2. Đối với Phương thức Điểm thi tốt nghiệp THPT

- File scan/hình ảnh Giấy chứng nhận kết quả thi THPT; *hoặc*

- File scan/hình ảnh Giấy báo/Thẻ dự thi THPT + hình chụp màn hình kết quả thi THPT có số báo danh tương ứng với giấy báo dự thi.

3. Đối với phương thức Điểm thi V-SAT: File scan/hình ảnh Giấy chứng nhận kết quả thi V-SAT có xác nhận của đơn vị tổ chức

4. Đối với kết quả các môn năng khiếu: File scan/hình ảnh Giấy chứng nhận kết quả thi môn năng khiếu được cấp trong năm tuyển sinh của SV. Ví dụ: SV khóa 50, năm tuyển sinh 2024 ⇒ minh chứng là Giấy chứng nhận kết quả thi năng khiếu năm 2024.

III. MỘT SỐ LƯU Ý

- Hệ thống chỉ cho phép tải lên 01 (một) file minh chứng. Trường hợp sinh viên cần nộp nhiều tài liệu, vui lòng gộp thành 01 file PDF hoặc nén thành tệp RAR/ZIP trước khi tải lên hệ thống.

- Sau khi SV điều chỉnh điểm thì có thể đăng ký học chương trình thứ hai.

- Phương thức và tổ hợp đăng ký học chương trình thứ hai có thể khác so với chương trình thứ nhất.

- Thông tin “Khu vực ưu tiên”, “Đối tượng ưu tiên” nếu có sai sót vui lòng liên hệ Phòng Công tác sinh viên để được hỗ trợ./.